

## MẪU SỐ 01A. BẢNG KÊ HẠNG MỤC CÔNG VIỆC

Diễn thông tin mô tả công việc làm thông tin cho Nhà thầu tham khảo, nhà thầu có trách nhiệm chuẩn xác hạng mục công việc phù hợp với thiết kế và yêu cầu kỹ thuật tại Chương V. Sau khi chuẩn xác hạng mục công việc, khối lượng theo thiết kế, Nhà thầu chào giá cho từng hạng mục theo Mẫu số 11 Chương này. Hệ thống hỗ trợ tối đa 3 cấp dữ liệu.

Diễn thông tin khối lượng tham khảo cho mô tả công việc.

Lưu ý: Định dạng dấu chấm ngăn cách phần nghìn, dấu phẩy ngăn cách phần thập phân. Tối đa 4 số thập phân sau dấu ','.

Ví dụ: 2.362,5505; ...

BMT nên kiểm tra lại cài đặt định dạng hiển thị trên máy trong Control panel để biết định dạng hiện tại đang dùng trong Excel: <https://prnt.sc/-kDLF4BXJobx>

Diễn thông tin đơn vị tính.

STT	Mô tả công việc(2)	Khối lượng tham khảo(3)	Đơn vị tính
<b>1</b>	<b>Phần cung cấp vật tư thiết bị-khu vực TX Kỳ Anh</b>		
<b>1.1</b>	<b>Đường dây trung áp</b>		
1.1.1	Dao cách ly 1 pha căng trên dây 35kV-630A (Phụ kiện trọn bộ)	5,00	Bộ (3pha)
1.1.2	Chống sét van 35kV	5,00	Bộ (3pha)
1.1.3	Dây dẫn nhôm trần lõi thép, có mỡ trung tính bảo vệ ACSR-70/11mm <sup>2</sup>	8.645,00	m
1.1.4	Cáp đồng bọc cách điện Cu/XLPE/PVC 1x35	54,00	m
1.1.5	Sứ đứng 35kV + ty sứ (PI-35)	149,00	Quả
1.1.6	Chuỗi néo thủy tinh 35kV + Phụ kiện (U70BLP)	126,00	Chuỗi
<b>1.2</b>	<b>Trạm biến áp</b>		
1.2.1	Cầu chì tự rơi cắt có tải LBFCO-35kV-100A-cách điện gồm (bao gồm cả dây chì 6K)	5,00	Bộ (3 pha)
1.2.2	Chống sét van 35kV	5,00	Bộ (3 pha)
1.2.3	Tủ bù hạ thế 60kVAr-400V ( Trọn bộ 8 cấp 4x5kVAr+4x10kVAr)	5,00	Tủ
1.2.4	Tủ điện phân phối hạ thế 600V- 300A trọn bộ 3 lộ (4x150A)	5,00	Tủ
1.2.5	Sứ đứng 35kV + ty sứ (PI-35)	72,00	Quả
1.2.6	Chuỗi néo thủy tinh 35kV + Phụ kiện (U70BLP)	9,00	Chuỗi
1.2.7	Dây nhôm lõi thép bọc cách điện XLPE4.3/HDPE-50/8 mm <sup>2</sup> -35kV	135,00	m
1.2.8	Cáp đồng bọc cách điện Cu/PVC/PVC 2x2,5mm <sup>2</sup>	50,00	m
1.2.9	Cáp đồng Cu/XLPE/PVC 1x95	35,00	m
1.2.10	Cáp đồng Cu/XLPE/PVC 1x150	105,00	m
1.2.11	Cáp vặn xoắn 0,6/1kV-Al/XLPE-4x70	35,00	m
1.2.12	Cáp đồng bọc cách điện Cu/XLPE/PVC 1x35	105,00	m
1.2.13	Cáp đồng bọc cách điện Cu/XLPE/PVC 1x95	30,00	m
1.2.14	Biến dòng hạ thế CT.06 300A/5 CCX 0.5	5,00	Bộ (3 cái)
<b>1.3</b>	<b>Đường dây hạ áp</b>		
1.3.1	Cáp vặn xoắn 0,6/1kV-AL/XLPE-4x70	9.837,00	m
1.3.2	Cáp vặn xoắn 0,6/1kV-AL/XLPE-4x95	10.466,00	m
<b>2</b>	<b>Phần lắp đặt vật tư thiết bị-khu vực TX Kỳ Anh</b>		
<b>2.1</b>	<b>Đường dây trung áp</b>		
2.1.1	Dao cách ly 1 pha căng trên dây 35kV-630A (Phụ kiện trọn bộ)	5,00	Bộ (3pha)
2.1.2	Chống sét van 35kV	5,00	Bộ (3pha)
2.1.3	Dây dẫn nhôm trần lõi thép, có mỡ trung tính bảo vệ ACSR-70/11mm <sup>2</sup>	8.645,00	m
2.1.4	Cáp đồng bọc cách điện Cu/XLPE/PVC 1x35	54,00	m
2.1.5	Sứ đứng 35kV + ty sứ (PI-35)	149,00	Quả
2.1.6	Chuỗi néo thủy tinh 35kV + Phụ kiện (U70BLP)	126,00	Chuỗi
<b>2.2</b>	<b>Trạm biến áp</b>		

STT	Mô tả công việc(2)	Khối lượng tham khảo(3)	Đơn vị tính
2.2.1	Vận chuyển, bảo quản Máy biến áp 3 pha 35/0,4kV-180kVA từ kho PCHT đến vị trí lắp đặt	5,00	máy
2.2.2	Cầu chì tự rơi cắt có tải LBFCO-35kV-100A-cách điện gồm (bao gồm cả dây chì 6K)	5,00	Bộ (3 pha)
2.2.3	Chống sét van 35kV	5,00	Bộ (3 pha)
2.2.4	Tủ bù hạ thế 60kVAr-400V ( Trộn bộ 8 cấp 4x5kVAr+4x10kVAr)	5,00	Tủ
2.2.5	Tủ điện phân phối hạ thế 600V- 300A trộn bộ 3 lộ (4x150A)	5,00	Tủ
2.2.6	Sứ đứng 35kV + ty sứ (PI-35)	72,00	Quả
2.2.7	Chuỗi néo thủy tinh 35kV + Phụ kiện (U70BLP)	9,00	Chuỗi
2.2.8	Dây nhôm lõi thép bọc cách điện XLPE4.3/HDPE-50/8 mm2-35kV	135,00	m
2.2.9	Cáp đồng bọc cách điện Cu/PVC/PVC 2x2,5mm2	50,00	m
2.2.10	Cáp đồng Cu/XLPE/PVC 1x95	35,00	m
2.2.11	Cáp đồng Cu/XLPE/PVC 1x150	105,00	m
2.2.12	Cáp vện xoắn 0,6/1kV-Al/XLPE-4x70	35,00	m
2.2.13	Cáp đồng bọc cách điện Cu/XLPE/PVC 1x35	105,00	m
2.2.14	Cáp đồng bọc cách điện Cu/XLPE/PVC 1x95	30,00	m
2.2.15	Biến dòng hạ thế CT.06 300A/5 CCX 0.5	5,00	Bộ (3 cái)
<b>2.3</b>	<b>Đường dây hạ áp</b>		
2.3.1	Cáp vện xoắn 0,6/1kV-AL/XLPE-4x70	9.837,00	m
2.3.2	Cáp vện xoắn 0,6/1kV-AL/XLPE-4x95	10.466,00	m
<b>3</b>	<b>Phần khối lượng nhà thầu cung cấp và lắp đặt-khu vực TX Kỳ Anh</b>		
<b>3.1</b>	<b>Đường dây trung áp</b>		
3.1.1	Đầu cốt đồng 1 lỗ 35	30,00	Cái
3.1.2	Cặp cáp nhôm 3 bu lông 70-95	210,00	Cái
3.1.3	Ống nối nhôm có vách ngăn 70	4,00	Cái
3.1.4	Ống nhựa HDPE 50/40	45,00	m
3.1.5	Đai thép + Khóa đai	45,00	Bộ
3.1.6	Biển cấm treo	13,00	Cái
3.1.7	Biển tên cột cầu dao	5,00	Cái
3.1.8	Kéo dây tại vị trí góc	21,00	góc
3.1.9	Cột bê tông ly tâm 14m (mặt bích): NPC.I-14-190-11,0	9,00	cột
3.1.10	Cột bê tông ly tâm 14m (mặt bích): NPC.I-14-190-13,0	22,00	cột
3.1.11	Cột bê tông ly tâm 16m (mặt bích): NPC.I-16-190-11,0	1,00	cột
3.1.12	Cột bê tông ly tâm 16m (mặt bích): NPC.I-16-190-13,0	6,00	cột
3.1.13	Cột bê tông ly tâm 20m (mặt bích): NPC.I-20-190-11,0	11,00	cột
3.1.14	Cột bê tông ly tâm 20m (mặt bích): NPC.I-20-190-13,0	14,00	cột
3.1.15	Xà rẽ XR35-1L	4,00	bộ
3.1.16	Xà đỡ thẳng 3 pha bằng 35kV xuyên tâm	7,00	bộ
3.1.17	Xà đỡ vượt lánh XDVL35-1L	11,00	bộ
3.1.18	Xà đỡ vượt 3 pha bằng 35kV xuyên tâm	3,00	bộ
3.1.19	Xà néo cột đúp 3 pha bằng 35kV dọc tuyến xuyên tâm	8,00	bộ
3.1.20	Xà néo cột đúp 3 pha bằng 35kV ngang tuyến xuyên tâm	6,00	bộ
3.1.21	Xà néo đúp lánh 3 tầng dọc tuyến XNĐL35-1L -D (ngon cột 190)	7,00	bộ
3.1.22	Xà phụ XP-1	1,00	Bộ
3.1.23	Xà phụ XP-2	1,00	Bộ
3.1.24	Xà phụ XP-3	1,00	Bộ
3.1.25	Xà đỡ chống sét van, đầu cột 190	5,00	Bộ
3.1.26	Gông cột 14m đầu cột 190	11,00	Bộ
3.1.27	Gông cột 16m đầu cột 190	3,00	Bộ
3.1.28	Gông cột 20m đầu cột 190	7,00	Bộ
3.1.29	Móng cột MT5-14	9,00	Móng
3.1.30	Móng cột MT5-16	1,00	Móng
3.1.31	Móng cột MT5-20	11,00	Móng
3.1.32	Móng cột MTK6-14	11,00	Móng

STT	Mô tả công việc(2)	Khối lượng tham khảo(3)	Đơn vị tính
3.1.33	Móng cột MTK6-16	3,00	Móng
3.1.34	Móng cột MTK6-20	7,00	Móng
3.1.35	Tiếp địa đường dây RC-4 (Mạ kẽm trọn bộ)	37,00	Bộ
3.1.36	Tiếp địa đường dây RC-8 (Mạ kẽm trọn bộ)	5,00	Bộ
<b>3.2</b>	<b>Trạm biến áp</b>		
3.2.1	Đầu cốt đồng nhôm 1 lỗ 50	75,00	Cái
3.2.2	Đầu cốt đồng nhôm 1 lỗ 70	40,00	Cái
3.2.3	Đầu cốt đồng 1 lỗ 2,5	20,00	Cái
3.2.4	Đầu cốt đồng 1 lỗ 35	30,00	Cái
3.2.5	Đầu cốt đồng 1 lỗ 95	50,00	Cái
3.2.6	Đầu cốt đồng 2 lỗ 95	10,00	Cái
3.2.7	Đầu cốt đồng 2 lỗ 150	30,00	Cái
3.2.8	Cáp cáp nhôm 3 bu lông 70-95	141,00	Cái
3.2.9	Giáp buộc cô sứ đơn Composite (35-50mm2)	30,00	Cái
3.2.10	Ống nhựa HDPE 85/65	150,00	m
3.2.11	Ống nhựa HDPE 32/25	45,00	m
3.2.12	Đai thép + Khóa đai	40,00	Cái
3.2.13	Chụp Silicon cầu chì	30,00	Cái
3.2.14	Chụp Silicon chống sét	15,00	Cái
3.2.15	Chụp Silicon cực cao thế MBA	15,00	Cái
3.2.16	Biển báo cáp lộ xuất tuyến	15,00	Cái
3.2.17	Biển cấm treo	5,00	Cái
3.2.18	Biển tên trạm	5,00	Cái
3.2.19	Khóa đồng	5,00	Cái
3.2.20	Cột bê tông ly tâm NPC.I-12-190-7,2	8,00	Cột
3.2.21	Cột bê tông ly tâm (mặt bích) NPC.I-14-190-11	2,00	Cột
3.2.22	Xà đón dây đầu trạm ngang tuyến	3,00	Bộ
3.2.23	Xà đón dây đầu trạm dọc tuyến	4,00	Bộ
3.2.24	Xà đỡ cầu chì tự rơi và chống sét van	5,00	Bộ
3.2.25	Xà đỡ sứ trung gian tầng 1	5,00	Bộ
3.2.26	Xà đỡ sứ trung gian tầng 2	5,00	Bộ
3.2.27	Giá đỡ máy biến áp	5,00	Bộ
3.2.28	Ghế thao tác	5,00	Bộ
3.2.29	Thang treo TT-2,5m	2,00	Bộ
3.2.30	Thang treo TT-4m	4,00	Bộ
3.2.31	Thang đỡ cáp tổng 2	5,00	Bộ
3.2.32	Thang đỡ cáp xuất tuyến 2 (1 bộ 4 cái)	10,00	Cái
3.2.33	Giá đỡ 4 cáp xuất tuyến dầm MBA (1 bộ 4 cái)	5,00	Cái
3.2.34	Xà đỡ cáp xuất tuyến	10,00	Bộ
3.2.35	Móng cột TBA MT-3	10,00	móng
3.2.36	Nền TBA (tìm 2,6m)	5,00	móng
3.2.37	Hệ thống tiếp địa TBA cột 14m không có Ghế TT & TT (mạ kẽm trọn bộ)	1,00	HT
3.2.38	Hệ thống tiếp địa TBA cột 12m có Ghế TT & TT (mạ kẽm trọn bộ)	4,00	HT
<b>3.3</b>	<b>Đường dây hạ áp</b>		
3.3.1	Kẹp xiết cáp vận xoắn 4x70	482,00	Bộ
3.3.2	Kẹp xiết cáp vận xoắn 4x95	537,00	Bộ
3.3.3	Ghíp bọc cách điện 2 bulong GN-95	120,00	Bộ
3.3.4	Ghíp bọc cách điện 2 bulong GN-70	156,00	Bộ
3.3.5	Hòm công tơ di chuyển H2 (Tháo chuyển trọn bộ hòm và dây xuống hòm từ cột cũ sang cột mới)	27,00	Cái
3.3.6	Hòm công tơ di chuyển H4 (Tháo chuyển trọn bộ hòm và dây xuống hòm từ cột cũ sang cột mới)	23,00	Cái
3.3.7	Hòm công tơ tháo hạ, lắp đặt lại H3F	5,00	Cái
3.3.8	Cáp vận xoắn 0,6/1kV-Al/XLPE-2x25	113,00	m
3.3.9	Cáp vận xoắn 0,6/1kV-Al/XLPE-2x35	90,00	m
3.3.10	Cáp Cu/XLPE/PVC-3x25+1x16	23,00	m
3.3.11	Ghíp bọc cách điện 2 bulong GN 70-95	120,00	Bộ
3.3.12	Đầu cốt đồng 1 lỗ 25	20,00	Bộ

STT	Mô tả công việc(2)	Khối lượng tham khảo(3)	Đơn vị tính
3.3.13	Đầu cốt đồng nhôm AM-35	46,00	Bộ
3.3.14	Đầu cốt đồng nhôm AM-25	54,00	Bộ
3.3.15	Giá lắp hòm công tơ trên cột đơn	18,00	Bộ
3.3.16	Giá lắp hòm công tơ trên cột đúp	18,00	Bộ
3.3.17	Tấm ốp cột tròn đơn phi 16	282,00	Bộ
3.3.18	Đai thép hòm công tơ	488,00	Bộ
3.3.19	Đai thép bắt phụ kiện dây sau công tơ	564,00	Bộ
3.3.20	Kẹp dây sau công tơ	902,00	Cái
3.3.21	Dây thép bọc nhựa pvc 2mm	423,00	m
3.3.22	Cột bê tông ly tâm NPC.I-8,5-190-4,3	116,00	cột
3.3.23	Cột bê tông ly tâm NPC.I-10-190-5,0	6,00	cột
3.3.24	Cổ đế đỡ cáp cột vuông CDV-1	268,00	Bộ
3.3.25	Cổ đế đỡ cáp cột vuông CDV-2	46,00	Bộ
3.3.26	Cổ đế đỡ cáp trên cột li tâm CDT-1	213,00	Bộ
3.3.27	Cổ đế đỡ cáp trên cột li tâm CDT-2	50,00	Bộ
3.3.28	Móng cột ly tâm đơn M1	100,00	Móng
3.3.29	Móng cột li tâm kép M2	11,00	Móng
<b>3.4</b>	<b>Thu hồi nhập kho Công ty Điện lực Hà Tĩnh</b>		
3.4.1	Cáp vận xoắn XLPE 2x25 (TH)	4.771,00	m
3.4.2	Cáp vận xoắn XLPE 2x35 (TH)	2.782,00	m
3.4.3	Cáp vận xoắn XLPE 2x50	669,00	m
3.4.4	Cáp vận xoắn Al/XLPE-4x35(TH)	730,00	m
3.4.5	Cáp vận xoắn Al/XLPE-4x50(TH)	5.592,00	m
3.4.6	Cáp vận xoắn Al/XLPE-4x70(TH)	51,00	m
3.4.7	Cột LT8,5B(TH)	9,00	cột
3.4.8	Cột H7,5A(TH)	26,00	cột
3.4.9	Cột H6,5A(TH)	14,00	cột
3.4.10	Đai thép + Móc treo cáp	231,00	bộ
3.4.11	Kẹp các loại	476,00	bộ
<b>3.5</b>	<b>Thí nghiệm hiệu chỉnh</b>		
3.5.1	Điện trở tiếp đất trung áp	42,00	bộ
3.5.2	Thí nghiệm cầu dao cách ly	5,00	bộ
3.5.3	Thí nghiệm MBA 22-35kV (sau lắp đặt)	5,00	máy
3.5.4	Thí nghiệm tiếp địa trạm	5,00	HT
<b>4</b>	<b>Phân cung cấp vật tư thiết bị-khu vực huyện Kỳ Anh</b>		
<b>4.1</b>	<b>Đường dây hạ áp</b>		
4.1.1	Cáp vận xoắn 0,6/1kV-AL/XLPE-4x70	175	m
4.1.2	Cáp vận xoắn 0,6/1kV-AL/XLPE-4x95	2028	m
<b>5</b>	<b>Phân lắp đặt vật tư thiết bị-khu vực huyện Kỳ Anh</b>		
<b>5.1</b>	<b>Đường dây hạ áp</b>		
5.1.1	Cáp vận xoắn 0,6/1kV-AL/XLPE-4x70	175	m
5.1.2	Cáp vận xoắn 0,6/1kV-AL/XLPE-4x95	2028	m
<b>6</b>	<b>Phân khối lượng nhà thầu cung cấp và lắp đặt-khu vực huyện Kỳ Anh</b>		
<b>6.1</b>	<b>Đường dây hạ áp</b>		
6.1.1	Kẹp xiết cáp vận xoắn 4x70	9	Bộ
6.1.2	Kẹp xiết cáp vận xoắn 4x95	113,00	Bộ
6.1.3	Ghép bọc cách điện 2 bulong GN-95	28,00	Bộ
6.1.4	Ghép bọc cách điện 2 bulong GN-70	16,00	Bộ
6.1.5	Hòm công tơ di chuyển H2 (Tháo chuyển trọn bộ hòm và dây xuống hòm từ cột cũ sang cột mới)	1,00	Cái
6.1.6	Cáp vận xoắn 0,6/1kV-AL/XLPE-2x25	4,50	m
6.1.7	Ghép bọc cách điện 2 bulong GN-95	2,00	Bộ
6.1.8	Đầu cốt đồng nhôm AM-25	2,00	Bộ
6.1.9	Tấm ốp cột tròn đơn phi 16	37,00	Bộ
6.1.10	Đai thép hòm công tơ	76,00	Bộ
6.1.11	Đai thép bắt phụ kiện dây sau công tơ	74,00	Bộ
6.1.12	Kẹp dây sau công tơ	187,00	Cái
6.1.13	Dây thép bọc nhựa pvc 2mm	88,50	m

STT	Mô tả công việc(2)	Khối lượng tham khảo(3)	Đơn vị tính
6.1.14	Cột bê tông ly tâm NPC.I-8,5-190-4,3	4,00	cột
6.1.15	Cổ dề đỡ cáp cột vuông CDV-1	39,00	Bộ
6.1.16	Cổ dề đỡ cáp cột vuông CDV-2	10,00	Bộ
6.1.17	Cổ dề đỡ cáp trên cột li tâm CDT-1	34,00	Bộ
6.1.18	Cổ dề đỡ cáp trên cột li tâm CDT-2	4,00	Bộ
6.1.19	Móng cột ly tâm đơn M1	4,00	móng
<b>6.2</b>	<b>Thu hồi nhập kho Công ty Điện lực Hà Tĩnh</b>		
6.2.1	Dây dẫn bọc AV-35	1.332,00	m
6.2.2	Cáp vện xoắn XLPE 2x25 (TH)	666,00	m
6.2.3	Cáp vện xoắn Al/XLPE-4x35(TH)	135,00	m
6.2.4	Cột H7,5A(TH)	2,00	cột
6.2.5	Xà X1-2	15	Bộ
6.2.6	Xà néo 1 pha 2 dây cột vuông	2	Bộ
6.2.7	Chụp	1	Bộ
6.2.8	Đai thép + Móc treo cáp	5	bộ
6.2.9	Kẹp các loại	24	bộ
6.2.10	Sứ hạ thế A30	38	Qua